

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số:81/2022/HS-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Hồ Xuân Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hoàng Đức Thịnh**
2. Ông **Nguyễn Văn Bảy**

- Thư ký phiên toà: Ông **Cao Trọng Sơn** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hoài Mai, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà **Văn Thị Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:171/2022/QĐXXST-HS ngày 15/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đậu Văn L**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 12 năm 1996, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đậu Văn M**, sinh năm: 1965 con bà **Hồ Thị H**, sinh năm: 1966; Vợ, con: Chưa có

Tiền án: Có 03 tiền án.

- Ngày 27/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 20/2016/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 29/01/2017, chưa được xóa án tích.

- Ngày 14/9/2017 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 137/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 24/5/2018, chưa được xóa án tích.

- Ngày 24/4/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 41/2020/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 02/11/2021, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2022, đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Hoàng Danh M, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 02 năm 2000, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Danh T, sinh năm: 1973 con bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1972; Vợ: Hoàng Thị L, sinh năm: 2000, con có 01 con, sinh năm: 2021; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 5 năm 2022 cho đến nay (có mặt)

- Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 3, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

- Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1972 (có mặt)

Trú tại: Thôn 4, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 21/5/2022, Hoàng Danh M đang làm việc tại huyện Q, tỉnh Nghệ An thì nhận được cuộc gọi điện thoại của Đậu Văn L gọi đến và nói “về đi làm với anh”, M trả lời “về làm gì anh”, L nói “thì em cứ về đi” thì M đồng ý. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, M điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Winner, màu xanh – trắng, biển kiểm soát 37L2-236.88 gặp L tại khu vực chợ xã Q. Khi gặp nhau thì L ngồi lên phía sau xe của M và nói M đi theo hướng ra phường Q, thị xã H. Trên đường đi, M hỏi “đi đâu anh” thì L trả lời “đi làm kiếm tiền”, M tiếp tục hỏi “làm gì mà kiếm tiền” thì L trả lời “đi giật đồ”. Lúc này, M hiểu ý của L là đi cướp giật tài sản người dân đi trên đường nên đồng ý. M điều khiển xe chở L đi từ xã Q đến ngã tư đèn báo tín hiệu giao thông thuộc địa phận khối 12, phường Q, thị xã H đến xã Q đi ra đường ven biển (thuộc trục đường Quốc lộ 48E) đến xã Q, huyện Q sau đó quay ngược lại đi lên phường Q, thị xã H, đi tiếp ra ngã tư giao nhau giữa đường Quốc lộ 1A với Quốc lộ 48D (thuộc khối T, phường Q, thị xã H) rồi đi lên thị xã T, tỉnh Nghệ An rồi quay về ngã ba T thuộc xã Q, huyện Q, sau đó xuống ngã tư C, huyện Q rồi xuống đường ven biển thuộc xã Q, huyện Q, đi tiếp ra xã Q, thị xã H nhưng do không phát hiện người dân sơ hở về tài sản. Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đang đi trên đường ven biển Quốc lộ 48E, thuộc địa phận thôn Đ, xã Q, thị xã H, M phát hiện chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1973, trú tại thôn 3, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An) điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh, biển kiểm soát 37 L1-542.60 đang lưu thông đi hướng xã Q về phường Q có chiếc điện thoại Realme 5 Pro, màu xanh để ở túi quần trước bên phải lộ ra bên ngoài nên M nói với L “có cái điện thoại phía trước đó làm không anh” thì L nói “làm thì làm”.

Lúc này, M điều khiển xe chạy lên và áp sát xe phía bên phải xe của chị T đồng thời L ngồi phía sau dùng tay trái giật lấy chiếc điện thoại từ túi quần của chị T. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại thì M điều khiển xe chở L nhanh chóng rẽ trái hướng đi xã Q, huyện Q tẩu thoát. Trên đường đi, L cầm trên tay chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được ra kiểm tra thấy điện thoại có nhãn hiệu Realme 5 Pro, màu xanh, vỏ ốp điện thoại màu nâu, bên trong có số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Sau đó, L tháo sim điện thoại đồng thời rút sim và vỏ ốp điện thoại đó đi còn điện thoại và số tiền 700.000 đồng thì L bỏ vào túi quần cất giữ. Khi đến khu vực chợ xã Q, M và L vào trong quán bán điện thoại gần đó để nhờ bẻ khóa máy nhưng do quán đóng cửa nên M nói L “anh cầm lấy chiếc điện thoại đó đi, mai tính”. Sau đó, M chở L đến quán sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Đình Đ (sinh năm 1994, trú tại thôn 7, xã Q, huyện Q) xin biển kiểm soát xe máy cũ. Sau khi xin được biển kiểm soát xe máy thì M cầm lấy và chở L về nhà rồi M cũng về nhà của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KLĐG ngày 25/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND thị xã Hoàng Mai kết luận: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Realme 5 Pro, màu xanh có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 1.500.000 đồng

Vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Realme 5 Pro, màu xanh, số Imel1: 865071042640750, Imel 2: 865071042640743, Cơ quan CSĐT công an thị xã Hoàng Mai trả lại cho bị hại Nguyễn Thị T.

- 01 (Một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Winer, màu xanh – trắng, biển kiểm soát 37L2-236.88. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hoàng Mai đã trả lại tài sản trên cho chị Nguyễn Thị

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A3s, màu đỏ, số Imel1: 867791046681413, Imel2: 867791046681405, bên trong chứa sim số: 0972780298 thu giữ của Hoàng Danh M. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hoàng Mai đã trả lại tài sản trên cho Hoàng Danh M.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKSHM ngày 14 tháng 7 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai đã truy tố bị cáo Đậu Văn L về tội “ cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Hoàng Danh M về tội “ cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm d, i khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Đậu Văn L từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Hoàng Danh M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù

Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.900.000đ mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 2.450.000đ. Gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền là 7.700.000đ, trong đó gia đình bị cáo M bồi thường số tiền 2.800.000đ gồm 2.100.000đ tiền bồi thường và 700.000đ tiền mà bị cáo chiếm đoạt được của chị T, gia đình bị cáo M bồi thường 5.600.000đ. Nay chị T đã hoàn trả lại số tiền thừa cho gia đình bị cáo M là 2.800.000đ, gia đình bị cáo L đã trích trả cho gia đình bị cáo M số tiền 350.000đ. Nay người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, các bị cáo và gia đình các bị cáo không có ý kiến gì nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hoàng Mai đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được vào khoảng 17 giờ ngày 21/5/2022, tại đoạn đường 48E thuộc địa phận thôn Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, bị cáo Hoàng Danh M điều khiển xe mô tô chở bị cáo Đậu Văn L đi theo hướng từ xã Q đi phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An đã ép sát xe mô tô do chị Nguyễn Thị T điều khiển cùng chiều. Bị cáo Đậu Văn L dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Realme 5 Pro, màu xanh có trị giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị T rồi nhanh chóng tẩu thoát. Vì vậy hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “cướp giật tài sản”. Do các bị cáo sử dụng xe mô tô công khai, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 2.200.000 đồng và nhanh chóng tẩu thoát là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm theo điểm d khoản 2 Điều

171 của BLHS. Ngoài ra bị cáo Đậu Văn L vào năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và xác định là tái phạm nguy hiểm nay lại phạm tội rất nghiêm trọng nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Đậu Văn L về tội “cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự, bị cáo Hoàng Danh M phạm tội “cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc loại rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm hại đến trật tự trị an và an toàn xã hội, tạo tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực pháp luật nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy cần phải xét xử các bị cáo nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, nhằm cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện và làm bài học giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn giữa các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên bị cáo L là người khởi xướng cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi nên bị cáo L phải chịu trách nhiệm ở vai trò đầu trong vụ án trước bị cáo M.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo Đậu Văn L có ba tiền án mặc dù đây là tình tiết định khung nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự rèn luyện, giáo dục nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Bị cáo Hoàng Danh M mặc dù lần phạm tội này là lần đầu, bản thân cũng chưa bị xử phạt hành chính, tuy nhiên bị cáo là người thực hiện tích cực, lần phạm tội này thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Vì vậy đối với các bị cáo cần phải có một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động tới gia đình nhằm kịp thời bồi thường khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra; các bị cáo còn được người bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự. Vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo Hoàng Danh M có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 BLHS nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của BLHS để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo M nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước.

Căn cứ vào vai trò của từng bị cáo cũng như tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra kết hợp với xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù, cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171- BLHS thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án người bị hại chị Nguyễn Thị T yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 4.900.000đ, chia kỷ phần thì mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 2.450.000đ. Tuy nhiên với sự tác động của các bị cáo gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị T số tiền 7.700.000đ, trong đó gia đình bị cáo M bồi thường số tiền 5.600.000đ, gia đình bị cáo L bồi thường số tiền 2.800.000đ gồm 2.100.000đ tiền bồi thường và 700.000đ tiền mà bị cáo chiếm đoạt được của chị T. Do số tiền mà các bị cáo bồi thường thừa theo yêu cầu của chị T, gia đình bị cáo L bồi thường thiếu so với kỷ phần là 350.000đ. Nên chị T đã trả lại số tiền thừa cho gia đình bị cáo M là 2.800.000đ, gia đình bị cáo L đã trả thêm cho gia đình bị cáo M số tiền 350.000đ. Nay người bị hại chị Nguyễn Thị T không yêu cầu gì thêm, các bị cáo và gia đình các bị cáo đều không có ý kiến gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với chị Nguyễn Thị L đã cho bị cáo Hoàng Danh M mượn chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Winner, màu xanh – trắng, biển kiểm soát 37L2-236.88. Các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội chị L không biết, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hoàng Mai đã xử lý trả lại cho chị L, nay chị L không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đậu Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam ngày 10 tháng 8 năm 2022.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Danh M 02 (hai) năm tù về tội “ cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam ngày 22 tháng 5 năm 2022

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đậu Văn L, Hoàng Danh M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Hoàng Mai;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Quyền